

YẾU TỐ GIỚI TRONG VIỆC SỬ DỤNG MỘT SỐ KIỂU CÂU CỦA SINH VIÊN

GENDER ASPECT IN STUDENTS' USAGE
OF SOME TYPES OF SENTENCE

NGUYỄN THỊ TRÀ MY
(ThS-NCS; Học viện Khoa học Xã hội)

Abstract: The article to some extent points out and explains gender-preferential syntax; clarifies the type of sentence which lacks of one or more components uses by both genders, and elucidates exclamatory characteristics in both genders' language.

Key words: Language; gender; syntax; student; the relationship between language and gender.

1. Đặt vấn đề

Trong các phương diện của ngôn ngữ, từ vựng thường được coi là bình diện *nhạy bén* với sự thay đổi hơn cả nhưng ngữ âm hay ngữ pháp cũng là những phương diện ít nhiều phản ánh sự thay đổi đó. Vì thế, trong giới hạn của bài viết này, chúng tôi muốn phần nào làm rõ ảnh hưởng của yếu tố giới tính trên phương diện ngữ pháp thông qua những khảo sát về việc sử dụng một số kiểu câu của đối tượng nam và nữ sinh viên.

2. Khảo sát cách sử dụng câu theo mục đích giao tiếp của mỗi giới

Tư liệu khảo sát: Tìm hiểu kết cấu cú pháp của một số kiểu câu phân theo mục đích giao tiếp như câu cảm thán, câu nghi vấn, câu trần thuật, câu cầu khiến qua thực nghiệm trên 140 sinh viên (70 nam và 70 nữ) tại một số Khoa, Bộ môn của Trường Đại học Khoa học và trường Đại học CNTT và Truyền thông, Đại học Thái Nguyên. Người tiến hành thực nghiệm chuẩn bị 140 phiếu, trong đó có một số dạng câu được đặt trong những tình huống giao tiếp cụ thể (*kèm theo các phương án trả lời khác nhau*) để thông tin viên lựa chọn. Ngoài ra, chúng tôi còn ghi âm các cuộc giao tiếp tự nhiên trong đời sống của các đối tượng trên.

2.1. Cách sử dụng câu nghi vấn

- Tình huống: *Muốn biết cảm xúc (vui, buồn, mệt mỏi...) của một người bạn, bạn chọn cách nói nào?*

- Kết quả như sau:

Bảng 1. Kiểu câu nghi vấn được hai giới ưa dùng

	Nam		Nữ	
	Lượt	%	Lượt	%
1. Câu thấy trong người thế nào rồi?	32	45,8	37	52,9
2. Câu mệt à?	22	31,4	22	31,4
3. Ở hay, sao thế?	10	14,3	3	4,3
4. Mệt à?	1	1,4	5	7,1
5. Làm sao thế hả?	5	7,1	3	4,3
Tổng số	70	100	70	100

Nhận xét: cả hai giới đều thiên về sử dụng câu nghi vấn với đầy đủ thành phần: *Từ chỉ đối tượng được hỏi (câu) + nội dung cần hỏi (thấy trong người/mệt) + từ để hỏi (thế nào/à).*

Trong 70 phiếu khảo sát, nam giới sử dụng 54 lượt (77,2 %), nữ giới sử dụng 59 lượt (84,3 %) câu nghi vấn ở dạng đầy đủ (chọn câu trả lời 1,2). Trong đó, câu hỏi với từ nghi vấn “*thế nào*” và tình thái từ “*rồi*” ở cuối câu được sử dụng với tần số cao hơn cả. Đây là cách nói lịch sự nhằm thể hiện thái độ chân thành, quan tâm của người hỏi với đối tượng giao tiếp. Sự chênh lệch trong việc sử dụng hai kiểu câu này của nam sinh và nữ sinh là 7,1%. Điều này cho thấy, so với một số đối tượng và độ tuổi khác, nam giới cũng đã ý thức và sử dụng cách nói lịch sự với tỉ lệ cao hơn. Tuy cả hai giới đều ưa sử dụng kiểu câu hỏi đầy đủ thành phần nhưng tỉ lệ này ở nam không cao bằng ở nữ. Nữ giới vẫn thiên về cách nói lịch sự, tế nhị.

Câu nghi vấn thiếu thành phần (thiếu đối tượng được hỏi) được cả hai giới sử dụng với tỉ lệ thấp: Nam giới chỉ sử dụng 16 lượt (22,8%), nữ giới sử dụng 11 lượt (15,7 %) (chọn phương án 3,4,5). Với dạng câu nghi vấn thiếu thành phần này, nam giới ưa sử dụng câu hỏi bằng cách dùng từ để hỏi kết hợp với từ bộc lộ thái độ ngạc nhiên hơn nữ giới (có 14,3 % nam giới chọn câu hỏi 3, trong khi tỉ lệ này ở nữ giới chỉ là 4,3 %). Nữ giới lại ưa dùng câu hỏi bằng cách dùng từ để hỏi kết hợp với từ chỉ nội dung cần hỏi (nữ: 7,1 %; nam: 1,4 % nữ sử dụng chọn phương án 4)

Từ kết quả khảo sát trên, chúng tôi cũng nhận thấy một điều thú vị, cả hai giới đều ưa sử dụng câu hỏi phức hợp. Có thể là hỏi - cầu khiến, hỏi - đồng tình hoặc hỏi - xác nhận. Trong đó, nữ giới thiên về sử dụng dạng câu hỏi - đồng tình, nam thiên về sử dụng dạng câu hỏi - đồng tình và câu hỏi - xác nhận.

2.2. Cách sử dụng câu cảm thán

Tình huống: *Có 1 sinh viên lớp bạn đạt danh hiệu sinh viên xuất sắc, bạn nói thế nào để khen bạn ấy?*

- Kết quả như sau:

Bảng 2. Kiểu câu cảm thán được hai giới ưa dùng

	Nam		Nữ	
	Lượt	%	Lượt	%
1. Trời ơi! Sao mà cậu giỏi thế!	6	8,5	16	22,9

2. Cậu giỏi thật đấy!	41	58,6	40	57,2
3. Tớ phục cậu quá cơ! Ước gì tớ cũng được như vậy.	16	22,9	11	15,7
4. Chả có ai hơn được cậu!	0	0	1	1,4
5. Giỏi quá nhỉ!	7	10	2	2,8
Tổng số	70	100	70	100

Nhận xét: Cả hai giới đều ưa sử dụng câu cảm thán với đầy đủ thành phần. Trường hợp mà chúng tôi đưa ra là một câu khen ngợi có dạng đầy đủ: *Từ cảm thán + đối tượng được khen + nội dung khen + từ cảm thán* (phương án 1) hoặc *đối tượng được khen + nội dung khen + từ cảm thán* (phương án 2). Tỷ lệ hai giới sử dụng câu cảm thán dạng này rất cao: nam giới: 47 lượt (67,1 %), nữ giới: 56 lượt (81,1%). Như vậy, nữ giới giới có xu hướng sử dụng dạng câu cảm thán đầy đủ này với tỉ lệ cao hơn nam giới (14,0%).

Cũng giống như việc sử dụng câu nghi vấn, những câu cảm thán phức hợp như cảm thán - hỏi, cảm thán - khẳng định; cảm thán - phủ định với các từ cảm thán đặc trưng được hai giới rất ưa dùng. Trong đó, dạng câu cảm thán - khẳng định được hai giới sử dụng với tần số cao hơn cả. Dạng câu cảm thán - phủ định được sử dụng với tần số thấp nhất, đặc biệt nam giới hầu như không sử dụng dạng câu này.

2.3. Cách sử dụng câu cầu khiến

Để làm rõ kiểu câu cầu khiến (dạng câu nhờ vả và câu khuyên nhủ) mà hai giới ưa dùng, chúng tôi đã đưa ra một số tình huống khảo sát. Kết quả khảo sát được thể hiện rõ trong bảng tổng hợp dưới đây:

2.3.1. Câu khuyên nhủ: *Muốn khuyên một người bạn mãi chơi game tập trung vào việc học, bạn nói thế nào?*

Bảng 3. Dạng câu khuyên nhủ được hai giới ưa dùng

	Nam		Nữ	
	Lượt	%	Lượt	%
1. Tớ nghĩ chơi game không tốt đâu, cậu hãy học đi cậu nhé!	16	22,9	24	34,3
2. Chơi game có hại lắm cậu ạ sẽ ảnh	8	11,4	6	8,5

<i>hường đến sức khỏe! Cậu hãy tập trung học đi nhé!</i>				
3. Học là quan trọng! Cậu phải nghĩ đến công sức của bố mẹ chứ	12	17,1	8	11,4
4. Cậu không nên mãi chơi game như thế! Nên tập trung học đi!	24	34,3	22	31,5
5. Thôi đừng chơi nữa! Tập trung học đi!	10	14,3	10	14,3
Tổng số	70	100	70	100

Dạng câu khuyên nhủ rất tiêu biểu cho kiểu câu cầu khiến. Kiểu câu này có thể được nhận diện qua các dấu hiệu: *Phụ từ (hãy, đừng, chớ), tình thái từ cầu khiến (đi, thôi, nào, với...)* và *các động từ tình thái (cần, nên, phải)*.

Trong ngữ liệu từ bảng tổng hợp trên, chúng tôi thấy cả hai giới hầu hết đều sử dụng dạng câu cầu khiến có chứa đầy đủ các dấu hiệu trên. Dạng câu khuyên nhủ có đầy đủ thành phần, chẳng hạn: *Chủ thể* (thường là Ngôi 1) + *Động từ chỉ cảm nghĩ* + *Đối tượng cần tác động* + *Phụ từ (hãy, đừng)* + *Nội dung muốn đối tượng điều chỉnh* + *Tình thái từ cầu khiến (với, thôi, đi)* (như phương án 1) hoặc *Đối tượng cần tác động* + *Các động từ tình thái (nên/không nên)* + *Nội dung muốn đối tượng điều chỉnh* + *Tình thái từ cầu khiến (với, thôi, đi)* (như phương án 2) ... được cả hai giới sử dụng với tỉ lệ cao và tương đối đồng đều. Dạng câu này ở nam giới chiếm 57,2% (tức 40/70 lượt); ở nữ giới chiếm 65,8% (tức 46/70 lượt).

Tuy nhiên, nữ giới thường thích sử dụng dạng câu khuyên nhủ mang sắc thái uyển chuyển, thiên về động viên, khích lệ, tin tưởng với tình thái từ “*nhé*” ở cuối câu. Kiểu câu cầu khiến này được 24/70 nữ sinh viên (tương đương 34,3%) lựa chọn, trong khi tỉ lệ này ở nam là 16 sinh viên (tương đương 22,9%).

Ngược lại, nam giới lại thiên về sử dụng dạng câu khuyên nhủ trực tiếp, thẳng thắn với hàm ý đe dọa, cảnh báo (phương án 3, 4), hoặc thúc giục (phương án 5) (nam: 30/70 lượt, nữ: 24/70 lượt).

2.3.2. Câu nhờ vả: *Nhờ người bạn giúp trả quyển sách ở thư viện, bạn sẽ nói thế nào?*

Bảng 4. Dạng câu nhờ vả được hai giới ưa dùng

	Nam		Nữ	
	Lượt	%	Lượt	%
1. <i>Cậu làm ơn trả giúp tớ quyển sách này với!</i>	29	41,5	25	35,7
2. <i>Cậu làm ơn trả giúp tớ quyển sách này nhé, giúp tớ đi mà!</i>	8	11,4	16	22,9
3. <i>Cậu trả giúp tớ quyển sách này!</i>	8	11,4	7	10,0
4. <i>Cậu có thể trả giúp tớ quyển sách này được không?</i>	5	7,1	5	7,1
5. <i>Làm ơn trả hộ tớ quyển sách nhé!</i>	19	27,2	16	22,9
6. <i>Trả hộ quyển sách!</i>	1	1,4	1	1,4

Cùng với câu khuyên nhủ, câu nhờ vả cũng là một dạng câu cầu khiến khá phổ biến. Ở dạng câu này, tình thái từ cầu khiến thường kết hợp chặt chẽ với tình thái từ cảm thán, tình cảm. Cấu trúc đầy đủ của dạng câu nhờ vả thường gồm các yếu tố sau: *Đối tượng cần nhờ vả + Làm ơn/Có thể + Hành động muốn nhờ vả + (giúp/hộ) + Chủ thể nhờ vả + Tình thái từ cầu khiến/ cảm thán* (phương án 1,2, 3). Tỷ lệ sử dụng câu nhờ vả đầy đủ thành phần theo phương án 1,2, 3 mà chúng tôi đưa ra ở cả hai giới đều rất cao và khá tương xứng: nữ giới: 68,6%; nam giới: 63,4%. Điều này chứng tỏ, tính lịch sự và mục đích cầu khiến trong lời nhờ vả được cả hai giới rất chú trọng. Hai giới đều thiên về sử dụng cách nhờ vả trực tiếp nhưng không mang sắc thái mệnh lệnh mà thiên về sắc thái đề nghị hoặc nài nỉ, qua việc sử dụng tình thái từ (*với, đi mà, nhé*) ở cuối câu. Tỷ lệ này cũng rất phù hợp với kết quả khảo sát việc sử dụng các tình thái từ của hai giới mà chúng tôi sẽ trình bày ở mục 3.

Dạng câu nhờ vả thiếu thành phần *đối tượng nhờ vả*, có dạng: *Làm ơn/Có thể + Hành động muốn nhờ vả + Chủ thể nhờ vả + Tình thái từ cảm thán (nhé)* (phương án 5) được hai giới sử dụng, nhưng với tỷ lệ thấp hơn rất nhiều so với dạng câu đầy đủ nói trên. Riêng kiểu câu chỉ chứa *hành động nhờ vả* (phương án 6) hầu như không được hai giới sử dụng vì đây là cách nói

trực tiếp, với sắc thái ra lệnh, dồn ép một cách thiếu lịch sự, tế nhị.

Cách nói rào đón, vòng vo, bỏ ngỏ vẫn được hai giới sử dụng nhưng với tỷ lệ rất thấp (cách nói này ở nam và nữ đều có tỷ lệ là 7,1%). So với kết quả nghiên cứu của tác giả Nguyễn Văn Khang trong bài viết *Xã hội học ngôn ngữ về giới: Sự kì thị và sự chống kì thị đối với nữ giới trong sử dụng ngôn ngữ (Phần 1)* [8], chúng tôi thấy tỷ lệ nữ sinh sử dụng cách nói này đã giảm đáng kể. Đặc biệt tỷ lệ cả hai giới sử dụng cách nói vòng vo, rào đón khá cân bằng nhau. Kiểu câu phức hợp: *nhờ vả - nài nỉ, nhờ vả - khẳng định, nhờ vả - yêu cầu*... được hai giới ưa dùng.

Tóm lại, so với kết quả nghiên cứu của một số tác giả trước đây, từ kết quả điều tra trên đối tượng sinh viên, chúng tôi thấy xu hướng sử dụng những kiểu câu đầy đủ thành phần, chứa đựng thái độ lịch sự trong giao tiếp không chỉ phổ biến ở nữ giới mà ngày càng tăng và khá phổ biến ở cả nam giới. Mặt khác, hầu hết hai giới đều ưa sử dụng những kiểu câu phức hợp. Điều này, khiến cho khoảng cách và sự khác biệt trong sử dụng ngôn ngữ của hai giới ở đây đang có xu hướng thu hẹp.

3. Khảo sát kiểu câu thiếu thành phần nòng cốt được mỗi giới sử dụng

Tư liệu khảo sát: 2174 câu (nam: 1087 câu; nữ: 1087 câu) từ phiếu điều tra thái độ ngôn ngữ và 828 câu trong 100 văn bản do hai giới tạo lập để làm rõ việc sử dụng kiểu câu thiếu thành phần nòng cốt của nam và nữ sinh viên. Xét về mặt cấu tạo, đây là một trong những kiểu câu thường bị coi là chịu “sự chi phối” rõ nhất của nhân tố giới tính. Kết quả khảo sát thu được như sau:

Bảng 4. Kết cấu cú pháp thiếu thành phần nòng cốt trong câu của mỗi giới (đơn vị: câu)

Kết cấu cú pháp thiếu thành phần nòng cốt	Nữ	Nam	Lưu ý
Trong phiếu điều tra thái độ ngôn ngữ	78/1087 câu (0,07%)	144/1087 câu (0,13 %)	Thiếu thành phần C, V, C- V
Trong văn bản do hai giới tạo lập	76/445 câu (0,17%)	138/ 383 câu (0,36 %)	

Tổng số	154/1532 câu (0,1%)	282/1470 câu (0,19%)	
---------	---------------------------	----------------------------	--

Nhận xét: Cả hai giới đều thiên về tạo lập và sử dụng câu đúng theo quy định về đặc điểm cú pháp tiếng Việt (tức câu có đầy đủ thành phần cơ bản chủ ngữ (C) và vị ngữ (V). Nhìn vào bảng khảo sát trên, trong tổng số câu mà chúng tôi tiến hành khảo sát, tỉ lệ câu viết sai so với quy định chỉ chiếm tỉ lệ rất nhỏ (nam: 0,19 %; nữ: 0,1 %). Điều này cho thấy, so với một số đối tượng khác (học sinh tiểu học, học sinh THPT), tỉ lệ sinh viên viết thiếu thành phần nòng cốt chiếm tỉ lệ thấp hơn khá nhiều.

Xét trong tương quan hai giới, tỉ lệ nam sinh viết câu chưa chuẩn cú pháp chiếm tỉ lệ cao hơn nữ sinh. Điều này cũng phù hợp với kết quả điều tra của một số tác giả trước đó. Chẳng hạn, theo kết quả nghiên cứu của tác giả Nguyễn Thị Dự [3] về việc sử dụng câu thiếu nòng cốt của học sinh THPT:

Nam	Nữ
- Sử dụng nhiều: Câu thiếu C: 25.7% - Nam thường trả lời trống không, sử dụng câu thiếu thành phần nòng cốt => Phong cách ngôn ngữ của nam gần với ngôn ngữ nói hơn	- Sử dụng ít: Câu thiếu C: 14% - Nữ có xu hướng sd câu chuẩn hơn, chính xác hơn. => Phong cách ngôn ngữ của nữ gần với ngôn ngữ văn học hơn

Theo kết quả mà chúng tôi thu được, nam giới thường viết câu thiếu thành phần nòng cốt (C- V), chủ ngữ (C), vị ngữ (V) do nhầm lẫn một số thành phần như trạng ngữ, bổ ngữ, định ngữ với thành phần C hoặc C - V. Chẳng hạn:

+ Trong 138 câu thiếu thành phần nòng cốt của nam sinh viên, thì có đến 85 câu thiếu thành phần C, 53 câu thiếu thành phần C - V. Ví dụ:

(1). *Từ đó tìm ra cho mình một nghề nghiệp yêu thích mà bạn có thể làm tốt.* (Phiếu KS 5) => Câu thiếu C do nhầm thành phần trạng ngữ với C.

(2). *Nếu chúng ta tìm được một nghề nghiệp phù hợp với khả năng và năng lực của mình.* (Phiếu KS 19) => Câu thiếu C- V trong vế câu ghép

(3). *Quê tôi, một thị trấn nhỏ bé cạnh những đồi chè xanh mướt.* (Phiếu KS 4) => Câu thiếu V do nhầm thành phần giải thích (đồng vị ngữ) với V.

+ Những câu thiếu thành phần của nữ giới thường thiên về lỗi thiếu thành phần C - V. Nguyên nhân cũng do nhầm lẫn giữa các thành phần phụ với thành phần nòng cốt. Trong tổng số các câu thiếu thành phần nòng cốt của nữ giới thì có đến 59/76 câu mắc lỗi thiếu thành phần C - V. Ví dụ:

(1). *Do sự giáo dục của gia đình và nhà trường.* (Phiếu KS 14) => Câu thiếu thành phần C - V do nhầm thành phần trạng ngữ với C - V

(2). *Đối mặt với con đường học hành đầy chông gai với những kiến thức mới mẻ mà ta chưa từng được biết.* (Phiếu KS 11) => Câu thiếu thành phần C.

Ngoài những nguyên nhân như trên, theo chúng tôi, thói quen viết câu quá dài và không ý thức rõ về việc sử dụng dấu câu của hai giới (đặc biệt là nam giới) cũng là một trong những lí do dẫn đến việc viết câu sai/thiếu thành phần nòng cốt.

4. Khảo sát tính tình thái trong câu được mỗi giới sử dụng

4.1. Cách khảo sát

Qua khảo sát một số công trình của các tác giả trong nước và nước ngoài nghiên cứu về sự phân biệt/kì thị giới tính biểu hiện trong ngôn ngữ hoặc trong sử dụng ngôn ngữ của hai giới, chúng tôi nhận thấy hầu hết các công trình này đều ít nhiều khẳng định, nữ giới luôn có xu hướng sử dụng các từ tình thái nhiều hơn nam giới vì nữ giới thiên về cách diễn đạt gián tiếp, ý nhị. Chúng tôi muốn kiểm chứng và làm rõ thêm khía cạnh này xét trên đối tượng cụ thể - sinh viên.

Để làm rõ đặc điểm tình thái trong câu được mỗi giới sử dụng, chúng tôi đã tiến hành khảo sát thông qua 140 phiếu (70 phiếu của nam với 1087 câu và 70 phiếu của nữ với 1087 câu) thu được từ *thực nghiệm trên*. Phân tích các phiếu điều tra của hai giới, chúng tôi thống kê được 474 câu trần thuật, 79 câu nghi vấn, 395 câu cầu khiến (trong đó có 79 câu khen

ngợi, 79 câu từ chối). Dưới đây là bảng khảo sát các tiểu từ tình thái trong từng nhóm tình thái từ mà chúng tôi thống kê được qua 140 phiếu (với 2174 câu) của hai giới.

Bảng 5. Một số tình thái từ ưa dùng của hai giới (đơn vị: lượt)

TT	Tình thái từ	Nữ	Nam
1	Nghỉ vấn	136	118
2	Cầu khiến	269	238
3	Cảm thán, tình cảm	689	574

Theo cách phân loại tình thái từ như trên, chúng tôi thấy cả hai giới đều ưa sử dụng cả 3 loại tình thái từ: tình thái từ: nghỉ vấn, cầu khiến, cảm thán và tình cảm. Cụ thể là:

4.2. Khảo sát nhóm tình thái từ nghỉ vấn

- Cả hai giới đều sử dụng 7 tình thái từ nghỉ vấn cơ bản: *không, được không, à, sao, sao thế, thế nào, thế nào rồi*.

- Trong số 79 câu nghỉ vấn của mỗi giới, nam giới sử dụng 118 lượt; nữ giới sử dụng 136 lượt nhóm từ này. Hầu hết, nữ giới đều sử dụng nhóm từ này với tần số cao hơn nam giới (trừ từ *sao/sao thế* nam giới sử dụng với tần số cao hơn nữ giới là 10 lượt).

- Trong 7 từ tình thái nghỉ vấn, từ *không/được không* được cả hai giới sử dụng nhiều hơn cả (nam: 47 lượt; nữ: 51 lượt), từ *sao/sao thế* được sử dụng ít nhất (nam: 22 lượt và nữ: 12 lượt).

Theo chúng tôi, nữ giới sử dụng nhiều từ tình thái nghỉ vấn hơn nam giới vì nữ giới muốn thể hiện tính lịch sự trong giao tiếp và sự tôn trọng, thân tình với người đang đối thoại. Nữ giới chủ yếu vẫn thiên về cách diễn đạt ôn hòa, linh hoạt, mềm mại. Nam giới vẫn thiên về cách diễn đạt thẳng thắn, trực tiếp.

Tuy nhiên, nhìn vào số liệu thống kê và quan sát trong thực tế, chúng tôi thấy khoảng cách này đang dần được thu hẹp. Nói cách khác, đối tượng sinh viên đang có xu hướng sử dụng cách giao tiếp khá tương đồng. Nam giới cũng sử dụng cách nói mềm mỏng, lịch sự với tỉ lệ khá cao. Ngược lại, trong một số ngữ cảnh, nữ giới cũng sử dụng cách nói thẳng thắn, trực tiếp thậm chí sỗ sàng. Ví dụ:

Nam	Nữ
- Cậu có bạn không ? Cậu có thể giúp tớ được không ? (KS	- Này! Giúp tớ một việc được không ?

26)	(KS 41)
- Hôm nay cậu không được khôe à? (KS 34)	- Cậu mệt à? (KS 84)
- Làm sao thế hả? (KS 112)	- Ờ hay! Sao thế? (KS 42)
- Cậu thấy trong người thế nào rồi? (KS 31)	- Khiếp! Thế nào rồi? Một lần à? (KS 88)

4.3. Khảo sát nhóm tình thái từ cầu khiến

- Cả hai giới đều sử dụng 9 tình thái từ cầu khiến: *với, có thể, đi mà, đi, làm ơn, xin lỗi, thôi, nữa, chứ*.

- Trong số 237 câu cầu khiến của mỗi giới, nam giới sử dụng 238 lượt; nữ giới sử dụng 269 lượt nhóm từ này. Nữ giới đều sử dụng 5/9 từ trong nhóm từ này với tần số cao hơn nam giới. So với nhóm từ tình thái nghỉ vấn, nhóm từ này được hai giới sử dụng với tần số thấp hơn. Trung bình mỗi câu của nam sẽ xuất hiện một từ tình thái cầu khiến. Còn ở nữ, tỉ lệ này là khoảng 1,14 lần/câu.

- Trong các tình thái từ kể trên, từ *làm ơn* được cả hai giới sử dụng với tần số cao hơn cả (nam: 65 lượt; nữ: 86 lượt). Từ *chứ* được sử dụng với tần số thấp nhất (nam: 9 lần; nữ: 2 lần). Điều này cho thấy, ở đối tượng sinh viên, tính lịch sự trong câu cầu khiến đều được cả hai giới chú trọng. Bởi sử dụng tình thái từ cầu khiến sẽ làm cho câu nói giảm bớt sắc thái mệnh lệnh, giúp lời cầu khiến, đề nghị không mang sắc thái nặng nề, dồn ép mà thể hiện được sự tha thiết, chân thành và sự tôn trọng của người nói với người nghe. Điều này khiến cho hiệu quả và mục đích giao tiếp được nâng lên một cách rõ rệt.

Chúng tôi thấy, xét ở đối tượng sinh viên, tính lịch sự trong giao tiếp và tính chất nhân mạnh, đôi khi là “nài nỉ” trong lời cầu khiến được thể hiện rất rõ qua cách dùng một số tình thái từ như: *làm ơn, xin lỗi, với, đi, đi mà, thôi...* Nhìn vào biểu đồ trên chúng ta dễ dàng nhận thấy, một số tình thái từ vẫn được nữ giới sử dụng nhiều hơn (*làm ơn, đi, đi mà, xin lỗi, có thể*). Tình thái từ *với, chứ* được nam giới sử dụng với tần số cao hơn nữ giới.

Tuy nhiên, sự chênh lệch trên cũng không đáng kể. Điều này chứng tỏ, so với một số đối tượng khác, dường như cả nam sinh và nữ sinh đều có ý thức rõ rệt hơn trong việc sử dụng câu

cầu khiến (cụ thể là các tình thái từ cầu khiến) nhằm đạt được những mục đích nhất định trong cuộc giao tiếp của mình. Nhưng xét một cách khách quan, nữ giới vẫn có ý thức sử dụng cao hơn cả. Điều này phù hợp với sự lễ phép, thói quen giao tiếp mềm mỏng, ý nhị của nữ giới như chúng tôi đã phân tích ở trên. Ví dụ:

Nam	Nữ
- Cậu trả giúp tớ quyển sách này với! (KS 21)	- Cậu <i>làm ơn</i> trả giúp tớ quyển sách này nhé, giúp tớ <i>đi mà</i> ! (KS 30)
- <i>Xin lỗi!</i> Minh bận rồi! (KS 41)	- Cho tớ <i>xin lỗi</i> nhá! Tớ không thể nhận lời mời của cậu được. (KS 6)
- <i>Thôi</i> bớt thời gian chơi game <i>đi</i> ! Tập trung vào việc học <i>đi</i> . (KS 33) - Ôn thi <i>đi chứ!</i> Cứ mãi chơi game thế à! (KS 115)	- Cậu chơi game ít <i>thôi!</i> Chăm chỉ học hành <i>đi</i> cậu <i>à!</i> (KS 42) - Cậu phải biết nghĩ đến bố mẹ <i>chứ!</i> Lo mà học <i>đi chứ!</i> (KS 67)

4.4. Khảo sát nhóm tình thái từ cảm thán, tình cảm

9 tình thái từ cảm thán: *lắm, lắm ý, quá cơ, quá nhỉ, quá, thật đấy, thật, thế*; 7 tình thái từ tình cảm: *dạ, ơ, nhé, ời, trời ời, ôi...* là những từ tình thái cơ bản được cả hai giới sử dụng chủ yếu trong câu khen ngợi, câu từ chối, câu cảm thán và câu trần thuật. Ví dụ:

Nam	Nữ
- Có lẽ chương trình đã hơi quá tải <i>chị à!</i> (KS 106)	- <i>Ôi!</i> Em thấy đúng là quá tải! Sợ thật! (KS 42)
- <i>Dạ!</i> Điểm của em cũng thường thôi <i>chị à!</i> (KS 2)	- <i>Dạ!</i> Điểm của em thấp <i>lắm ý!</i> (KS 23)
- Điểm thấp <i>lắm!</i> (KS 63)	- <i>Eo ời!</i> Điểm thấp <i>lắm!</i> (KS 78)
- Tớ phục cậu <i>quá cơ!</i> (KS 111)	- <i>Trời ời!</i> Sao mà cậu giỏi <i>thế!</i> (KS 75)
- Em ở trọ bên ngoài <i>à!</i> (KS 123)	- <i>Dạ!</i> Em ở trọ bên ngoài <i>chị à!</i> (KS 22)

So với hai nhóm từ trên, đây là nhóm từ phong phú và được hai giới sử dụng với tần số khá cao trong việc tạo câu (nam: 574 lượt; nữ: 689 lượt). Ngoài ra còn một số tình thái từ biểu thị cảm xúc khác như: *a, ừ, hey, wo, hihi, hô hô, ha ha, hì hì, yeah, ui...* Ví dụ:

Nam	Nữ
- <i>Wow!</i> Minh thành công rồi! (KS 98)	- <i>Ui!</i> Sung sướng quá! Minh được học bổng rồi <i>nhá!</i> <i>Hihi</i> (KS 42)
- <i>A! Ha ha!</i> Hôm nay tớ sẽ khoe mọi người!	

Tớ được học bổng rồi! (KS 117)	- Minh phục mình quá! <i>Yeah!</i> (KS 57)
--------------------------------	--

Đây chủ yếu là những từ vay mượn, từ địa phương và thường được dùng trong lời nói khẩu ngữ. Theo kết quả chúng tôi thu được, nam giới có xu hướng sử dụng nhóm từ này với tần số cao hơn nữ giới.

4. Kết luận

Bằng kết quả khảo sát cụ thể, chúng tôi đã bước đầu làm rõ và lí giải về những kết cấu cú pháp được mỗi giới ưa dùng; làm rõ kiểu câu thiếu thành phần trong câu do hai giới tạo lập, sử dụng và làm rõ đặc điểm tính tình thái trong ngôn ngữ của hai giới. Từ kết quả nghiên cứu, chúng tôi rút ra một số kết luận sau:

1) Xu hướng sử dụng những kiểu câu đầy đủ thành phần, chứa đựng thái độ lịch sự trong giao tiếp không chỉ phổ biến ở nữ giới mà ngày càng tăng và khá phổ biến ở cả nam giới. Mặt khác, hầu hết hai giới đều ưa sử dụng những kiểu câu phức hợp. Bên cạnh đó, cả hai giới cũng thiên về tạo lập và sử dụng câu đủ thành phần. Tỷ lệ câu viết chưa đúng theo quy định chỉ chiếm tỉ lệ rất nhỏ. Xét trong tương quan hai giới, tỉ lệ nam sinh viết câu chưa chuẩn cú pháp (thường thiếu phần thành C, C- V) chiếm tỉ lệ cao hơn ở nữ sinh do nhầm lẫn một số thành phần câu với nhau.

2) Cả hai giới đều ưa sử dụng cả 3 loại tình thái từ: tình thái từ: nghi vấn, cầu khiến, cảm thán và tình cảm. Trong đó, nhóm tình thái từ cảm thán, tình cảm được hai giới sử dụng đa dạng và chiếm tỉ lệ cao hơn cả. Số liệu này cho thấy cả hai giới đều có ý thức chú trọng đến mục đích và phép lịch sự trong giao tiếp. Tuy nhiên, nữ giới vẫn có thiên hướng sử dụng nhóm tình thái từ trong câu cao hơn nam giới. Điều này góp phần tạo ra cách diễn đạt theo lối gián tiếp, tế nhị, uyển chuyển trong giao tiếp của nữ giới.

3) Do hầu như không có sự chênh lệch về trình độ và lứa tuổi, nên bên cạnh một số điểm khác biệt thì việc sử dụng ngôn ngữ của hai giới cơ bản là khá tương đồng. Hay nói

cách khác, xét trên bình diện ngữ pháp, việc sử dụng ngôn ngữ của hai giới đang có xu hướng tiến tới sự giao thoa và bình đẳng. Sự phân biệt và kỳ thị giới tính trong ngôn ngữ (cụ thể là tiếng Việt) đang có xu hướng giảm dần. Đây chính là kết quả của việc thực hiện các chính sách về bình đẳng giới.

Từ những kết quả thu được, chúng tôi muốn khẳng định thêm mối quan hệ và sự tác động hai chiều giữa ngôn ngữ và xã hội. Khi xã hội thay đổi thì ngôn ngữ cũng thay đổi để kịp thời phản ánh những bước chuyển mình. Sự phản ánh đó không chỉ thể hiện trên bình diện từ vựng mà còn trên nhiều bình diện khác, trong đó có những khía cạnh trên bình diện ngữ pháp như chúng tôi đã phân tích.

TÀI LIỆU THAM KHẢO

1. Diệp Quang Ban (2008), *Giáo trình ngữ pháp tiếng Việt*, Nxb Giáo dục.
2. Diệp Quang Ban (2009), *Ngữ pháp Việt Nam*, Nxb Giáo dục.
3. Trần Thị Dự (2008), *Một số biểu hiện phân biệt ngôn ngữ theo giới tính (tại một số trường phổ thông ở Hà Nội và Hà Nam)*, Khóa luận tốt nghiệp, Khoa Ngôn ngữ học, Trường ĐH KHXH và NV, ĐHQG HN, Hà Nội.
4. Bùi Mạnh Hùng, *Bàn về vấn đề “Phân loại câu theo mục đích phát ngôn”*, <http://s4.zetaboard.com/suphamnguvan/topic/8598521/1/>.
5. Lương Văn Hy (chủ biên), Diệp Đình Hoa, Nguyễn Thị Thanh Bình, Phan Thị Tuyết - Vũ

Thị Thanh Hương (2000), *Ngôn từ, giới và nhóm xã hội từ thực tiễn tiếng Việt*, Nxb KHXH. Hà Nội.

6. Nguyễn Văn Khang (chủ biên) (1996), *Ứng xử ngôn ngữ trong giao tiếp gia đình người Việt*. Nxb VHTT, Hà Nội..

7. Nguyễn Văn Khang (2012), *Ngôn ngữ học xã hội* Nxb giáo dục VN, Hà Nội.

8. Nguyễn Văn Khang (2011), *Xã hội học ngôn ngữ về giới: Sự kỳ thị và sự chống kỳ thị đối với nữ giới trong sử dụng ngôn ngữ*, <http://www.vienngonnguhoc.gov.vn/?act=Science&do=Detail&nid=166>

9. Nguyễn Lai (1999), *Những bài giảng về ngôn ngữ học đại cương, In lần thứ 2 có sửa chữa bổ sung*, Nxb Đại học Quốc gia Hà Nội, Hà Nội.

10. Hoàng Bá Thịnh (2008), *Giáo trình xã hội học về giới*, Nxb ĐHQG HN, Hà Nội.

11. Nguyễn Đức Tồn (2008), *Đặc trưng văn hóa - dân tộc của ngôn ngữ và tư duy*, Nxb KHXH, Hà Nội.

12. Jennifer Coate (1997), *Language and gender*, Roehampton University London, UK.

13. Janet Holmes, Miriam Meyerhoff (2009), *The handbook of language and gender*, Wiley-Blackwell.

14. Penelope Ecker and Sally McConnell Ginet (2003), *Language and gender*, Cambridge University.